

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 1 (501 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 17/01/2026

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00001	Bùi Thị Ngọc	Anh	Nữ	27.06.1998	Điện Biên		
2	B00002	Bùi Trần Nam	Anh	Nam	05.12.2003	Thanh Hóa		
3	B00003	Trần Thị Vân	Anh	Nữ	15.02.2003	Hải Dương		
4	B00004	Cao Thị Phương	Anh	Nữ	16.11.2003	Hà Nội		
5	B00005	Đặng Mai Hằng	Anh	Nữ	10.09.2004	Hà Nội		
6	B00006	Lê Ngọc	Anh	Nữ	06.11.2004	Nghệ An		
7	B00007	Lò Thị Mai	Anh	Nữ	17.03.2004	Điện Biên		
8	B00008	Phạm Nam	Anh	Nam	21.10.2002	Hà Nội		
9	B00009	Hoàng Thọ	Bình	Nam	26.11.1997	Nam Định		
10	B00010	Hoàng Thanh	Bình	Nữ	02.06.2004	Hà Tây		
11	B00011	Nguyễn Thanh	Cảnh	Nam	07.08.1983	Hà Nội		
12	B00012	Hoàng Linh	Chi	Nữ	19.08.2002	Hà Nội		
13	B00013	Nguyễn Linh	Chi	Nữ	24.01.2004	Hà Nội		
14	B00014	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	Nữ	05.04.2004	Bắc Ninh		
15	B00015	Đặng Thị Khánh	Chi	Nữ	06.11.2004	Nghệ An		
16	B00016	Trần Linh	Chi	Nữ	23.02.2003	Hà Tây		
17	B00017	Vũ Thị Phát	Diễm	Nữ	18.04.2002	Hải Dương		
18	B00018	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	Nữ	04.09.1984	Hà Nội		
19	B00019	Nguyễn Hải	Dung	Nữ	24.10.2003	Hà Nội		
20	B00020	Đỗ Thùy	Dung	Nữ	03.09.1981	Quảng Ninh		
21	B00021	Nguyễn Quang	Duy	Nam	08.03.2004	Phú Thọ		
22	B00022	Kiều Quang	Duy	Nam	04.10.2003	Hà Tây		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1

(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2

(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 2 (502 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 17/01/2026

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00023	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	06.02.1981	Hà Nội		
2	B00024	Phạm Văn	Đạt	Nam	19.02.2003	Thanh Hóa		
3	B00025	Phạm Văn	Đông	Nam	13.06.1986	Vĩnh Phúc		
4	B00026	Lê Thịnh	Đức	Nam	22.03.1991	Thanh Hóa		
5	B00027	Cao Hương	Giang	Nữ	18.11.1999	Hà Nội		
6	B00028	Hoàng Đức	Giang	Nam	29.10.2004	Hà Nội		
7	B00029	Dương Thị	Giang	Nữ	09.12.2004	Bắc Giang		
8	B00030	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	27.09.1995	Hà Nội		
9	B00031	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	18.04.2005	Hưng Yên		
10	B00032	Lê Thu	Hà	Nữ	29.08.2001	Hà Nội		
11	B00033	Hoàng Thái	Hà	Nữ	12.10.2004	Thái Bình		
12	B00034	Phạm Trần Thanh	Hà	Nữ	11.06.2004	Sóc Trăng		
13	B00035	Vũ Thị	Hà	Nữ	07.09.2004	Hà Nội		
14	B00036	Triệu Thị	Hạnh	Nữ	18.07.2000	Thái Nguyên		
15	B00037	Đỗ Thị	Hằng	Nữ	11.09.1992	Hà Nội		
16	B00038	Phan Thị Thúy	Hằng	Nữ	10.01.2000	Hà Tây		
17	B00039	Mâu Thị Thu	Hằng	Nữ	09.11.2002	Hà Tây		
18	B00040	Vi Nguyệt	Hằng	Nữ	10.05.2004	Tuyên Quang		
19	B00041	Đào Thanh	Hằng	Nữ	03.02.2004	Thanh Hóa		
20	B00042	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	26.11.1986	Hà Nội		
21	B00043	Tăng Thị	Hiền	Nữ	04.08.1975	Hà Nội		
22	B00044	Bùi Thị Thu	Hiền	Nữ	09.11.2003	Hà Tây		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1

Giám thị 2

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 3 (503 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 17/01/2026

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00045	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	25.08.2003	Hưng Yên		
2	B00046	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	Nữ	01.08.1994	Hà Nội		
3	B00047	Ong Thị	Hoa	Nữ	12.04.1986	Bắc Giang		
4	B00048	Bùi Quang	Hòa	Nam	16.01.2004	Hưng Yên		
5	B00049	Hoàng Thu	Hoài	Nữ	27.10.2001	Lào Cai		
6	B00050	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	10.01.2001	Hưng Yên		
7	B00051	Phạm Huy	Hoàng	Nam	21.11.2004	Hải Phòng		
8	B00052	Cao Việt	Hoàng	Nam	12.08.2002	Phú Thọ		
9	B00053	Phạm Thị Kim	Huế	Nữ	11.03.1993	Hà Nội		
10	B00054	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	22.01.1995	Hà Nam		
11	B00055	Lê Trường	Huy	Nam	16.10.2002	Hà Nội		
12	B00056	Tạ Quang	Huy	Nam	07.02.2003	Hà Nội		
13	B00057	Hoàng Gia	Huy	Nam	20.07.2004	Hải Phòng		
14	B00058	Nguyễn Trần	Huy	Nam	03.04.2003	Hà Nam		
15	B00059	Trần Thị	Huyền	Nữ	12.10.1990	Hải Dương		
16	B00060	Đỗ Khánh	Huyền	Nữ	28.03.2003	Sơn La		
17	B00061	Trần Thị	Huyền	Nữ	03.06.2004	Nghệ An		
18	B00062	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	25.07.1995	Thái Bình		
19	B00063	Phạm Thị	Hương	Nữ	03.09.2002	Hà Nội		
20	B00064	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	10.12.2000	Hòa Bình		
21	B00065	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	03.08.2004	Hải Dương		
22	B00066	Nguyễn Diệu	Hương	Nữ	27.04.2004	Hà Nội		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1

(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2

(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 4 (504 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 17/01/2026

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00067	Lý Xuân	Hường	Nữ	15.02.2004	Bắc Kạn		
2	B00068	Bùi Thị	Hường	Nữ	01.06.2004	Thanh Hóa		
3	B00069	Vũ Minh	Khôi	Nam	03.11.2004	Hà Nội		
4	B00070	Lão Thị Thanh	Lam	Nữ	29.06.2004	Hà Nam		
5	B00071	Đỗ Tuấn	Linh	Nam	26.07.2003	Vĩnh Phúc		
6	B00072	Phạm Khánh	Linh	Nữ	19.08.2004	Hải Dương		
7	B00073	Lê Thị Mai	Linh	Nữ	20.11.2004	Thanh Hóa		
8	B00074	Phạm Thị Mai	Linh	Nữ	13.08.2004	Hà Tĩnh		
9	B00075	Đinh Kiều	Loan	Nữ	15.01.1996	Hà Nội		
10	B00076	Hoàng	Long	Nam	10.12.2003	Thái Bình		
11	B00077	Nguyễn Bảo	Long	Nam	05.08.2004	Sơn La		
12	B00078	Nguyễn Thị Thu	Luật	Nữ	27.07.2004	Thái Nguyên		
13	B00079	Nguyễn Khánh	Ly	Nữ	23.05.2004	Hải Phòng		
14	B00080	Hà Khánh	Ly	Nữ	18.06.2004	Vĩnh Phúc		
15	B00081	Lê Thu	Mai	Nữ	04.09.2003	Hà Nội		
16	B00082	Lò Thị	Mai	Nữ	26.07.2004	Điện Biên		
17	B00083	Nguyễn Quang	Minh	Nam	12.11.2004	Hải Dương		
18	B00084	Vũ Quang	Minh	Nam	09.10.2006	Thanh Hóa		
19	B00085	Chử Đức	Minh	Nam	21.08.2001	Hà Nội		
20	B00086	Lại Đức	Minh	Nam	19.05.2003	Hà Nội		
21	B00087	Nguyễn Bình	Minh	Nữ	11.09.2004	Hà Tây		
22	B00088	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	12.05.2002	Bắc Ninh		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1

Giám thị 2

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 5 (505 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 17/01/2026

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00089	Nguyễn Trà	My	Nữ	24.09.2004	Nghệ An		
2	B00090	Dương Quỳnh	Nga	Nữ	09.11.2001	Hà Nội		
3	B00091	Cần Thị Vân	Nga	Nữ	19.07.1990	Hà Nội		
4	B00092	Phạm Thảo	Ngân	Nữ	11.12.2004	Hải Phòng		
5	B00093	Nguyễn Thị Thu	Ngân	Nữ	13.01.2004	Bắc Ninh		
6	B00094	Lê Linh	Ngân	Nữ	19.05.2004	Thanh Hóa		
7	B00095	Lê Phạm Bích	Ngọc	Nữ	21.10.2004	Hà Nội		
8	B00096	Phạm Hồng	Ngọc	Nữ	03.08.2004	Hà Nội		
9	B00097	Lê Thị	Nguyệt	Nữ	04.08.2002	Hà Nội		
10	B00098	Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	18.10.1998	Hà Tây		
11	B00099	Đỗ Mai	Phương	Nữ	09.03.2003	Hải Phòng		
12	B00100	Hoàng Khánh	Phương	Nữ	18.04.2003	Thanh Hóa		
13	B00101	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	24.03.2002	Nam Định		
14	B00102	Đào Thu	Quên	Nữ	20.11.2001	Hà Nội		
15	B00103	Chu Ngọc	Quên	Nữ	22.10.1997	Hà Nội		
16	B00104	Phạm Thị Ánh	Sao	Nữ	06.08.2003	Thanh Hóa		
17	B00105	Trần Văn	Sở	Nam	30.01.2004	Nghệ An		
18	B00106	Nguyễn Thanh Thủy	Tiên	Nữ	15.01.2004	Hải Dương		
19	B00107	Nguyễn Thị	Thái	Nữ	12.08.2004	Hà Nội		
20	B00108	Lò Thị	Thanh	Nữ	21.07.1991	Điện Biên		

Số thí sinh theo danh sách: 20

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1

(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2

(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 6 (506 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 17/01/2026

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00109	Phạm Thị Thu	Thanh	Nữ	20.01.1998	Phú Thọ		
2	B00110	Trần Đoàn Thiên	Thanh	Nữ	02.06.2003	Đà Nẵng		
3	B00111	Đinh Phương	Thảo	Nữ	29.10.1999	Hà Tây		
4	B00112	Nguyễn Thị Dạ	Thảo	Nữ	22.11.1991	Thái Nguyên		
5	B00113	Nguyễn Thị	Thị	Nữ	07.03.2002	Bắc Ninh		
6	B00114	Nguyễn Hồng	Thịnh	Nữ	05.12.1986	Hà Nội		
7	B00115	Nguyễn Thế	Thịnh	Nam	22.12.1989	Bắc Ninh		
8	B00116	Lê Thị	Thu	Nữ	18.05.1995	Hà Nội		
9	B00117	Quảng Thị	Thu	Nữ	15.09.1994	Yên Hưng		
10	B00118	Hoàng Thị	Thu	Nữ	28.10.1986	Lạng Sơn		
11	B00119	Ngô Hoàng	Thu	Nữ	28.10.2004	Hà Nội		
12	B00120	Đinh Thị	Thùy	Nữ	18.11.2004	Bắc Giang		
13	B00121	Trần Thị	Thủy	Nữ	25.12.1985	Nam Định		
14	B00122	Hoàng Thu	Thủy	Nữ	11.11.1991	Hà Nội		
15	B00123	Đặng Thu	Thủy	Nữ	19.02.2004	Hà Nội		
16	B00124	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	09.01.1987	Hà Nội		
17	B00125	Thân Thị	Thúy	Nữ	02.09.1990	Hà Tĩnh		
18	B00126	Lê Thị Hoài	Thương	Nữ	04.12.2004	Hà Tĩnh		
19	B00127	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	02.09.2002	Nghệ An		
20	B00128	Nguyễn Thị Phương	Trang	Nữ	22.06.1994	Hà Nội		

Số thí sinh theo danh sách: 20

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 7 (507 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 17/01/2026

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00129	Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	09.11.2006	Hưng Yên		
2	B00130	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	19.12.2003	Hà Nội		
3	B00131	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	22.08.1997	Hà Nội		
4	B00132	Nguyễn Minh	Trang	Nữ	03.11.2004	Hải Phòng		
5	B00133	Nguyễn Thị Kiều	Trang	Nữ	20.02.2004	Bắc Ninh		
6	B00134	Nguyễn Thị Linh	Trang	Nữ	17.02.2004	Quảng Ninh		
7	B00135	Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	27.10.2005	Hà Nội		
8	B00136	Lò Thị Thu	Trang	Nữ	11.06.2003	Lai Châu		
9	B00137	Quách Huyền	Trâm	Nữ	10.11.2000	Phú Thọ		
10	B00138	Hoàng Ngọc	Trâm	Nữ	17.01.2004	Hà Nội		
11	B00139	Đoàn Văn	Trình	Nam	05.11.2001	Ninh Bình		
12	B00140	Bùi Thị Uyên	Uyên	Nữ	10.09.1993	Thanh Hóa		
13	B00141	Vũ Thị	Uyên	Nữ	24.03.1999	Hải Dương		
14	B00142	Nguyễn Thị Tú	Uyên	Nữ	07.11.2002	Bắc Ninh		
15	B00143	Phạm Phương	Uyên	Nữ	03.06.2004	Phú Thọ		
16	B00144	Đỗ Thanh	Uyên	Nữ	06.07.2005	Hưng Yên		
17	B00145	Lê Thảo	Vân	Nữ	10.02.2004	Thanh Hóa		
18	B00146	Hoàng Thanh	Vân	Nữ	21.11.1983	Hà Nội		
19	B00147	Lê Hải	Yên	Nữ	07.06.2004	Hà Nội		
20	B00148	Đỗ Thị	Yên	Nữ	17.12.2004	Bắc Ninh		
21	B00149	Lê Thị Hải	Yên	Nữ	17.02.2004	Bắc Giang		
22	B00150	Mai Thị Hải	Yên	Nữ	02.06.2004	Hà Tĩnh		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)